Mẫu số 01-B

CÔNG TY CỔ PHẦN
BOT CẦU THÁI HÀ

Số: 1408 /2026/CBTT-BCTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 14 tháng 08 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP BOT Cầu Thái Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần BOT Cầu Thái Hà

- Mã chứng khoán: BOT
- Địa chỉ: Thôn Phú Vật, Xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 022.7389.1818
- Email: botcauthaiha.jsc@gmail.com Website: http://botcauthaiha.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét bán niên năm 2026

☑ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC soát xét bán niên năm 2026:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau Soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC soát xét bán niên năm 2026):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Không

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ
DN: C=VN, S=Thái Bình, O=CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1001045855
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.18 16:40:13+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☑ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☑ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☑ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14.../..02.../2026 tại đường dẫn: http://botcauthaiha.com.vn/danh-muc-tin/bao-cao-tai-chinh.html

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Tiến Cường

Tài liệu đính kèm:

- BCTC soát xét Bán niên năm 2026;
- Văn bản giải trình đính kèm BCTC soát xét Bán niên năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ

Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC GIỮA NIÊN ĐỘ	10 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 16/10/2014 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/08/2025.

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà có trụ sở chính tại: Thôn Phú Vật, xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Tiến Cường	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Bình Diễn	Thành viên HĐQT
Ông Tạ Đại Nghĩa	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Hà	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Thảo	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Thu Huyền	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Tạ Đại Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hòa	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này là ông Ngô Tiến Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 08/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

M.S.D.N: 1001045855-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BOT CẦU THÁI HÀ
H. HƯNG HÀ - T. THÁI BÌNH

Ngô Tiến Cường
Chủ tịch HĐQT
Hưng Yên, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Số: 0307/2026/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận từ chối

Như đã trình bày tại Thuyết minh 4.8 Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, nguyên giá tài sản cố định là cầu BOT Thái Hà được ghi nhận theo kết quả Báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành số 90/2020/RSMHN-BCKTXD ngày 31/03/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, số tiền 1.375.425.634.893 VND. Trong đó, bao gồm chi phí lãi vay phát sinh ngoài thời gian thực hiện Dự án (từ 01/5/2017 đến hết 31/12/2018), số tiền 178.892.919.950 VND không được Bộ Giao thông vận tải chấp nhận thỏa thuận quyết toán. Theo Văn bản số 12217/BGTVT-TC ngày 18/11/2021 thỏa thuận giá trị quyết toán chi phí đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình, Hà Nam với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình, giai đoạn I theo hình thức Hợp đồng BOT, Bộ Giao thông vận tải thông báo giá trị thoả thuận quyết toán cho Dự án là 1.272.878.942.550 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Chúng tôi không thu thập được các tài liệu để xác định giá trị trước thuế GTGT của công trình, từ đó không xác định được số liệu chính xác cần điều chỉnh liên quan đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

A - TT5 - 3 Khu nhà ở Him Lam Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
A - TT5 - 3, Him Lam Van Phuc Residential Area, Ha Dong Ward, Hanoi City
Tel: +84 247 303 3668 * Website: https://iav.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Như đã trình bày tại Thuyết minh 4.4.2 Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, tại ngày 30/06/2026, Công ty đang theo dõi khoản phải thu dài hạn khác về Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát (Bên liên quan/Bên quản lý vốn) để hợp tác kinh doanh trong việc phân phối sản phẩm quả lọc máu dùng trong y tế, số tiền 245.752.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp các bằng chứng về nhu cầu, tiến độ sử dụng vốn kế hoạch/ thực tế, báo cáo hiệu quả sử dụng vốn của Bên quản lý vốn, cũng như các biện pháp giám sát của Công ty (nếu có). Do đó, chúng tôi không thể đánh giá khả năng thu hồi khoản vốn hợp tác nêu trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu có.

Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ ngân hàng, phải thu, phải trả người bán tại ngày 30/06/2026. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các khoản công nợ phải trả nói trên của Công ty tại ngày 30/06/2026, cũng như ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026 của Công ty nếu có.

Kết luận từ chối

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận từ chối", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận soát xét. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 30/06/2026, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 1.312.262.465.988 VND, Vốn chủ sở hữu Công ty âm 45.413.296.561 VND. Các yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Điều hành Công ty đã đánh giá và cam kết về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo Thuyết minh tại mục 6.5 - "Giả định hoạt động liên tục" của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc giữa niên độ. Khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào những thành công trong các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch huy động vốn của Công ty trong tương lai. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi không liên quan tới vấn đề này.

M.S.D.N:0106299213-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Kim Thùy
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1464-2023-283-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
				VND	*VND*
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**286.796.022.793**	**253.095.640.409**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4.1**	**6.044.886.352**	**5.417.274.469**
1.	Tiền	111		6.044.886.352	5.417.274.469
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**151.040.403.101**	**119.892.490.909**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	8.764.540.166	8.764.540.166
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	90.961.412.121	94.813.499.929
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	4.4	61.021.082.660	26.021.082.660
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	4.5	(9.706.631.846)	(9.706.631.846)
III.	**Hàng tồn kho**	**140**	**4.6**	**52.981.123.481**	**48.401.023.481**
1.	Hàng tồn kho	141		52.981.123.481	48.401.023.481
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**76.729.609.859**	**79.384.851.550**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	4.7	189.553.509	288.032.649
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		76.540.056.350	79.096.818.901
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.517.273.043.840**	**1.529.958.079.537**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**245.752.000.000**	**245.752.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	215	4.4	245.752.000.000	245.752.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**1.271.521.043.840**	**1.284.203.534.083**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	1.271.521.043.840	1.284.203.534.083
	- Nguyên giá	222		1.375.425.634.893	1.375.425.634.893
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.904.591.053)	(91.222.100.810)
III.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**-**	**2.545.454**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	4.7	-	2.545.454
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**1.804.069.066.633**	**1.783.053.719.946**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
				VND	*VND*
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.849.482.363.194**	**1.801.722.073.266**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.599.058.488.781**	**1.467.298.198.853**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	18.414.793.541	17.794.448.353
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	260.213.460.391	260.213.460.391
3.	Phải trả người lao động	315		231.237.561	191.394.712
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	4.11	588.290.000.543	538.408.768.810
5.	Phải trả ngắn hạn khác	320		26.870.158	-
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	4.12	724.774.126.587	643.582.126.587
7.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		7.108.000.000	7.108.000.000
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**250.423.874.413**	**334.423.874.413**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	4.12	250.423.874.413	334.423.874.413
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**4.13**	**(45.413.296.561)**	**(18.668.353.320)**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		592.468.000.000	592.468.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		592.468.000.000	592.468.000.000
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(637.881.296.561)	(611.136.353.320)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(611.136.353.320)	(507.734.054.116)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(26.744.943.241)	(103.402.299.204)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**1.804.069.066.633**	**1.783.053.719.946**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Đỗ Thị Hòa	Đỗ Thị Hòa	Ngô Tiến Cường

Hưng Yên, Việt Nam
Ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**5.1**	**39.071.530.873**	**38.147.688.150**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**39.071.530.873**	**38.147.688.150**
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	12.682.490.243	14.447.243.097
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**26.389.040.630**	**23.700.445.053**
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21			
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.3	833.663	210.469.320
8.	Chi phí tài chính	*23*	5.4	49.881.231.733	50.140.290.510
	- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*49.881.231.733*	*50.140.290.510*
9.	Chi phí bán hàng	25		-	-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	3.253.585.801	2.497.835.368
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-(25+26))**	30		**(26.744.943.241)**	**(28.727.211.505)**
12.	Thu nhập khác	31		-	-
13.	Chi phí khác	32		-	-
14.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**-**	**-**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**(26.744.943.241)**	**(28.727.211.505)**
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	-	-
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**(26.744.943.241)**	**(28.727.211.505)**
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.7	(451)	(485)
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.7	(451)	(485)

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Đỗ Thị Hòa	Đỗ Thị Hòa	Ngô Tiến Cường

Hưng Yên, Việt Nam
Ngày 12 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026
(theo phương pháp trực tiếp)

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		39.071.530.873	116.948.249.115
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(1.993.226.500)	(12.181.941.861)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.612.305.494)	(1.353.580.565)
4.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.126.262.127	-
5.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(35.157.274.786)	(95.351.049.229)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**3.434.986.220**	**8.061.677.460**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		625.663	608.498
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**625.663**	**608.498**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền trả nợ gốc vay	34	4.12	(2.808.000.000)	(2.650.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(2.808.000.000)**	**(2.650.000.000)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**627.611.883**	**5.412.285.958**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**5.417.274.469**	**481.149.669**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**6.044.886.352**	**5.893.435.627**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Đỗ Thị Hòa	Đỗ Thị Hòa	Ngô Tiến Cường

Hưng Yên, Việt Nam
Ngày 12 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến 30/06/2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001045855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 16/10/2014 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 05/08/2025.

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà có trụ sở chính tại: Thôn Phú Vật, xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 592.468.000.000 VND, tương đương 59.246.800 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là: 21 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 18 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là thu lệ phí cầu đường và kinh doanh thương mại.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán bán niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 cùng năm

2.4. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là Cầu Thái Hà, được đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, được khấu hao theo phương pháp tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm so với thời gian khai thác hoàn vốn của Dự án theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của tài sản cố định này là 16 năm 07 tháng.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông nhận cổ tức.

3.13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.14. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; thuế, phí và lệ phí; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Công ty là doanh nghiệp có dự án BOT, được ưu đãi thuế miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo kể từ khi doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm). Năm 2026 là năm thứ 8 Công ty có doanh thu thu từ khai thác cầu BOT Thái Hà. Tuy nhiên, kể từ thời điểm bắt đầu khai thác đến nay, hoạt động này liên tục bị lỗ và chưa được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Tiền mặt	5.018.124.285	4.706.317.147
Tiền gửi không kỳ hạn	1.026.762.067	710.957.322
	6.044.886.352	**5.417.274.469**

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ *VND*	Giá trị dự phòng *VND*	Giá trị ghi sổ *VND*	Giá trị dự phòng *VND*
Công ty TNHH Quý Nhật Hải	8.597.683.938	8.597.683.938	8.597.683.938	8.597.683.938
Công ty TNHH Dịch vụ thiết bị văn phòng Việt Nam	166.856.228	166.856.228	166.856.228	166.856.228
	8.764.540.166	**8.764.540.166**	**8.764.540.166**	**8.764.540.166**

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ *VND*	Giá trị dự phòng *VND*	Giá trị ghi sổ *VND*	Giá trị dự phòng *VND*
Công ty CP Đầu tư vật liệu công nghệ cao	49.229.000.000	-	49.229.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng vật liệu xây dựng Việt Cam	39.385.000.000	-	39.385.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.347.412.121	942.091.680	6.199.499.929	942.091.680
	90.961.412.121	**942.091.680**	**94.813.499.929**	**942.091.680**

4.4. Phải thu khác

4.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Tạm ứng	35.000.000.000	-	26.000.000.000	-
Phải thu khác	26.021.082.660	-	21.082.660	-
Công ty TNHH đầu tư xây dựng Việt Phát	*21.082.660*		*21.082.660*	
Ngô Tiến Cương	*26.000.000.000*		-	
	61.021.082.660	**-**	**26.021.082.660**	**-**
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.3)	**35.000.000.000**	-	-	-

4.4.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Việt Phát (i)	245.752.000.000		245.752.000.000	
	245.752.000.000	**-**	**245.752.000.000**	**-**

(i) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát (Bên liên quan/Bên B) theo Hợp đồng ngày 20/10/2024 về việc phân phối sản phẩm - Quả lọc máu dùng trong y tế. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 10 năm (kể từ ngày 22/10/2024 đến hết 22/10/2034). Theo hợp đồng, Công ty (Bên A) cam kết góp 500.000.000.000 VND, đợt 1: 325.445.000.000 VND (trước ngày 31/12/2024) và đợt 2: 174.555.000.000 VND (trước ngày 31/12/2025). Bên B góp vốn bằng các chi phí đào tạo, quản lý nhân sự, lập phương án kinh doanh, chi phí bán hàng.

Lợi nhuận sẽ được phân chia theo tỷ lệ:

- Bên A: 03 năm đầu tiên (từ 22/10/2024 đến 22/10/2027): được hưởng 0,1%/tổng số tiền đã đầu tư; từ năm thứ 04 trở đi (năm 2028): được hưởng 33% lợi nhuận sau thuế.
- Bên B: Từ năm thứ 04 trở đi (năm 2028): được hưởng 67% lợi nhuận sau thuế.

Trường hợp hoạt động kinh doanh bị lỗ, Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm bù lỗ và đảm bảo tiền vốn của Bên A không bị thất thoát.

4.5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	*VND*		VND	*VND*	
Công ty TNHH Quý Nhật Hải	8.597.683.938	-	Trên 3 năm	8.597.683.938	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	1.108.947.908	-	Trên 3 năm	1.108.947.908	-	Trên 3 năm
	9.706.631.846	**-**		**9.706.631.846**	**-**	

4.6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Hàng hóa	52.981.123.481	-	48.401.023.481	-
	52.981.123.481	**-**	**48.401.023.481**	**-**

4.7. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

4.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	*VND*
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	115.322.676	2.964.943
Chi phí trả trước khác	74.230.833	285.067.706
	189.553.509	**288.032.649**

4.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	*VND*
Chi phí khác	-	2.545.454
	-	**2.545.454**

4.8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
	VND	*VND*
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	**1.375.425.634.893**	**1.375.425.634.893**
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**1.375.425.634.893**	**1.375.425.634.893**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	**91.222.100.810**	**91.222.100.810**
- Khấu hao trong kỳ	12.682.490.243	12.682.490.243
Số dư cuối kỳ	**103.904.591.053**	**103.904.591.053**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	**1.284.203.534.083**	**1.284.203.534.083**
Tại ngày cuối kỳ (i)	**1.271.521.043.840**	**1.271.521.043.840**

(i) Là cầu BOT Thái Hà, đã hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 30/4/2017 và chính thức thu phí từ ngày 31/12/2018.

Nguyên giá tài sản này được ghi nhận theo kết quả Báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành số 90/2020/RSMHN-BCKTXD ngày 31/3/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, số tiền 1.375.425.634.893 VND. Trong đó, bao gồm chi phí lãi vay phát sinh ngoài thời gian thực hiện Dự án (từ 01/5/2017 đến hết 31/12/2018), số tiền 178.892.919.950 VND không được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận thỏa thuận quyết toán.

Theo Văn bản số 12217/BGTVT-TC ngày 18/11/2021 thỏa thuận giá trị quyết toán chi phí đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình, Hà Nam với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình, giai đoạn I theo hình thức hợp đồng BOT, Bộ Giao thông vận tải thông báo giá trị thoả thuận quyết toán cho Dự án là 1.272.878.942.550 VND (đã bao gồm thuế GTGT).

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Chengdu Heda Automation Equipment Co., Ltd	5.802.940.000	5.802.940.000
Công ty cổ phần cầu 14 - Cienco 1	4.868.020.650	4.868.020.650
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	3.522.330.279	3.522.330.279
Các nhà cung cấp khác	4.221.502.612	3.601.157.424
	18.414.793.541	**17.794.448.353**

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Công ty cổ phần CNC Capital Việt Nam	260.213.460.391	260.213.460.391
	260.213.460.391	**260.213.460.391**

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Trích trước chi phí đi vay (i)	588.290.000.543	538.408.768.810
	588.290.000.543	**538.408.768.810**

(i): Chi phí đi vay phải trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam.

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

4.12.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Vay ngân hàng				
	643.582.126.587	**84.000.000.000**	**2.808.000.000**	**724.774.126.587**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (i)	643.582.126.587	84.000.000.000	2.808.000.000	724.774.126.587
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**643.582.126.587**	**84.000.000.000**	**2.808.000.000**	**724.774.126.587**

4.12.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (i)	334.423.874.413		84.000.000.000	250.423.874.413
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**334.423.874.413**	**-**	**84.000.000.000**	**250.423.874.413**

4.12.3. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết khoản vay

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDA/NHCT384- BOT THAIHA ngày 31 tháng 3 năm 2015 kèm các phụ lục hợp đồng số 01 ngày 11/03/2019 và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 01/12/2019 mục đích để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thái Hà vượt sông Hồng trên đường nối hai tỉnh Thái Bình - Hà Nam với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình, giai đoạn 1 theo hình thức Hợp đồng BOT. Ngân hàng cam kết cho Công ty vay với tổng giá trị không vượt quá 1.223.904.000.000 VND, thời hạn vay là 161 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng, được ghi trên từng giấy nhận nợ từng lần.

Vay quá hạn chưa thanh toán

Tại ngày 30/06/2026, vay dài hạn đến hạn trả đã quá hạn thanh toán là 724.774.126.587 VND (Số đầu năm: 643.582.126.587 VND).

4.13. Vốn chủ sở hữu

4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng
	VND	*VND*	*VND*
Số dư tại 01/01/2025	**592.468.000.000**	**(188.754.567.774)**	**403.713.432.226**
- Lãi trong kỳ	-	*(28.727.211.505)*	*(28.727.211.505)*
Số dư tại 30/06/2025	**592.468.000.000**	**(217.481.779.279)**	**374.986.220.721**
Số dư tại 01/01/2026	**592.468.000.000**	**(611.136.353.320)**	**(18.668.353.320)**
- Lãi trong kỳ	-	*(26.744.943.241)*	*(26.744.943.241)*
Số dư tại 30/06/2026	**592.468.000.000**	**(637.881.296.561)**	**(45.413.296.561)**

4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	*%*	*VND*	*%*
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	238.258.000.000	40,21%	238.258.000.000	40,21%
Các tổ chức cá nhân khác	354.210.000.000	59,79%	354.210.000.000	59,79%
	592.468.000.000	**100,00%**	**592.468.000.000**	**100,00%**

4.13.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	592.468.000.000	592.468.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	592.468.000.000	592.468.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.13.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ *Cổ phiếu*	Số đầu kỳ *Cổ phiếu*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.246.800	59.246.800
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.246.800	59.246.800
+ Cổ phiếu phổ thông	*59.246.800*	*59.246.800*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.246.800	59.246.800
+ Cổ phiếu phổ thông	*59.246.800*	*59.246.800*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Doanh thu bán hàng hóa	-	3.800.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.071.530.873	34.347.688.150
	39.071.530.873	**38.147.688.150**

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	3.300.000.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	12.682.490.243	11.147.243.097
	12.682.490.243	**14.447.243.097**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	833.663	210.469.320
	833.663	**210.469.320**

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Chi phí đi vay	49.881.231.733	50.140.290.510
	49.881.231.733	**50.140.290.510**

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Chi phí nhân công	1.679.018.501	1.494.973.072
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.574.071.452	999.125.296
Chi phí khác bằng tiền	495.848	737.000
	3.253.585.801	**2.497.835.368**

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Chi phí nhân công	1.679.018.501	1.494.973.072
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.682.490.243	11.147.243.097
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.574.071.452	999.125.296
Chi phí khác bằng tiền	495.848	737.000
	15.936.076.044	**13.645.078.465**

5.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Lợi nhuận/ Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.744.943.241)	(28.727.211.505)
Lợi nhuận/ Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(26.744.943.241)	(28.727.211.505)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	59.246.800	59.246.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(451)**	**(485)**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**(451)**	**(485)**

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong kỳ, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

6.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

6.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

6.3.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong kỳ kế toán như sau:

	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng quản trị		**110.850.000**	**87.055.000**
Ông Tạ Đại Nghĩa	TV HĐQT kiêm TGĐ	110.850.000	87.055.000
Ban Kiểm soát		**53.712.590**	**-**
Bà Vũ Thị Thảo	Thành viên	53.712.590	

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty có các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Nội dung	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chủ tịch HĐQT			
Ông Ngô Tiến Cường	Chi tiền tạm ứng	35.000.000.000	-
		35.000.000.000	**-**

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tạm ứng	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Ngô Tiến Cường	Chủ tịch HĐQT	35.000.000.000	-
		35.000.000.000	**-**

6.3.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty không có phát sinh giao dịch với các công ty có liên quan.

6.4. Thông tin về bộ phận

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam.

6.5. Giả định hoạt động liên tục

Ban Điều hành đã có những đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty và tiếp tục đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

- Công ty không có bất kỳ vụ kiện nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn tới các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.

- Hội đồng Quản trị đưa ra kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh chính đến từ hoạt động thu phí các phương tiện qua lại tại BOT Cầu Thái Hà đồng thời triển khai, mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại các mặt hàng thế mạnh truyền thống cũng như các lĩnh vực tiềm năng.

- Hội đồng Quản trị đã đưa ra kế hoạch mở rộng kinh doanh thương mại các mặt hàng thiết bị, máy móc, dây truyền sản xuất thiết bị gia công, cơ khí, đồ nhựa, vật phẩm y tế, dụng cụ y tế, các ngành hàng thực phẩm chế biến sẵn hoặc thực phẩm khác.

- Ban Điều hành tiếp tục bám sát tiến độ hồ sơ xử lý, tháo gỡ khó khăn dự án BOT Cầu Thái Hà từ các Bộ, ban, ngành liên quan, từ đó xây dựng phương án ứng phó cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế.

Ban Điều hành tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn, các kế hoạch được đưa ra là khả thi và Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

6.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Đỗ Thị Hòa	Đỗ Thị Hòa	Ngô Tiến Cường
		Hưng Yên, Việt Nam
		Ngày 12 tháng 08 năm 2026